

Bản án số: 68/2019/HS-PT

Ngày: 12- 6- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

Các Thẩm phán: 1. Ông **Huỳnh Văn Ngoan**

2. Bà **Lâm Ngọc Tuyên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Hữu Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Hồ Minh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 31/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo Lê Thành L và Phan Đoan K do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thành L, sinh ngày 6/11/1999, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Mười H và bà Huỳnh Thị U; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Đoan K, sinh ngày 27/8/1998, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp Kinh 12, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Trần Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Luật sư Nguyễn Xuân T – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang bào chữa cho bị cáo Lê Thành L.

2. Luật sư Dương Thị Kim L – Văn phòng luật sư Kim L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang bào chữa cho bị cáo Phan Đoàn K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1972.

2. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp Kinh 12, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông **Lê Văn Mười H**, sinh năm 1964

4. Bà **Huỳnh Thị U**, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Ngoài ra bản án có bị hại Ngô Thị Kim T1 (chết) và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời điểm tháng 4- 2017, Lê Thành L chưa đủ điều kiện để được cấp giấy phép lái xe mô tô 02 bánh hạng A1.

Khoảng 17 giờ ngày 30-4-2017, L trực tiếp điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 63B2- 614.97 phía sau chở Phan Đoàn K lưu thông trên tỉnh lộ 865 theo hướng từ xã P đến thị trấn M. Khi đến cầu Rạch Đình, đoạn thuộc ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang, L điều khiển xe xuống dốc cầu thì nhìn thấy phía trước bên phải cùng hướng lưu thông khoảng 30 mét có anh Ngô Văn T đang bồng con nhỏ nên L ấn kèn, điều khiển xe chạy ra phía tim đường, quay mặt qua phải quan sát và tăng ga để vượt qua anh T. Lúc này, cháu Ngô Thị Kim T1, sinh ngày 27-9-2009 (con ruột anh T) đứng bên lề trái đang bung tô com đi bộ qua lộ tới tim đường. Do L điều khiển xe không làm chủ tốc độ, thiếu chú ý quan sát toàn diện và không nhường đường cho người đi bộ nên đã để phần đầu bên trái xe đụng vào cháu T1, tại vùng tim đường. Hậu quả cháu T1 chết tại chỗ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông hồi 17 giờ ngày 30-4-2017, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang thực hiện có kết quả như sau: Hiện trường bị xáo trộn một phần do đoạn đường có nhiều phương tiện giao thông lưu thông qua lại và do cấp cứu nạn nhân; Đoạn đường thẳng, mặt đường rộng 06 mét trải nhựa bằng phẳng, đoạn đường không có vạch phân tuyến, hai bên đường thông thoáng, không bị che khuất tầm nhìn.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: Số 1: Đầu cầu hướng Tây cầu Rạch Đình; Số 2: Vùng các

mảnh thủy tinh (kính) vỡ; Số 3: Vùng các mảnh vỡ miếng sành (miếng tô) và thức ăn; Số 4: Vùng dấu vết màu đỏ (nghi máu) chảy loang; Số 5: Muỗng kim loại; Số 6: Ốp kính chiếu hậu bên trái. Chọn đầu cầu hướng Tây của cầu Rạch Đình làm mốc.

Qua công tác khám nghiệm hiện trường xác định vùng va chạm đầu tiên là số 2. Số 2 cách số 1 là 38 mét về hướng Tây có đặc điểm: Vùng các mảnh vỡ thủy tinh (kính chiếu hậu), kích thước (3 x 1,5)m, nằm tại vị trí tim lộ.

Kết quả khám nghiệm phương tiện mô tô 02 bánh biển số 63B2-614.97: Kính chiếu hậu bên trái rời ra ngoài; Mặt trước bên trái mũ ốp đầu có bám dính chất lỏng dạng đặc ẩm ướt (nghi thức ăn), vùng có kích thước (08 x 10)cm; trong vùng bám dính thức ăn có để lại hai vết nứt mũ; vết 1 dài 02cm và vết 2 dài 2,5cm; Cạnh điểm tay nắm mặt bên trái có bám dính sợi màu xanh nghi vải; Mặt trước mũ dưới lòng lót chân bên trái có để lại vết bết mũ dài 06cm, vết cách mặt đất 25cm; Cục gù mắc vào kính chiếu hậu bên trái cao cách mặt đất 112cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 80/GĐPY-PC54 ngày 15-5-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận thương tích và nguyên nhân tử vong của cháu Ngô Thị Kim T1, sinh ngày 27-9-2009 như sau: Vùng trán phải có vết thương rách da, kích thước (1,5 x 0,5)cm, vùng mặt bên trái có vết thương rách toát da từ trên vành tai xuống đến khóe miệng trái để lộ cân, cơ bên trong, kích thước (11,5 x 04)cm; vùng cằm có vết sây sát da không liên tục, kích thước (06 x 4,5)cm. Đa chấn thương, chấn thương sọ não do tai nạn giao thông .

Tại bản Film chụp Xquang có ký hiệu L010517 của Phòng khám Dân lập BS Nguyễn Thanh L - BS Đào Quang V, địa chỉ đường M, Phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang có nội dung: phim được chụp từ bộ phận cổ tay trái của Lê Thành L, ngày chụp 01-5-2017; thương tích “tại vị trí đầu dưới xương quay tay trái có dấu mẻ xương, kích thước 04mm”.

Sau khi tai nạn xảy ra, L và K đến nhà bà Dương Thị L1, sinh năm 1958, ngụ ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang (cách hiện trường vụ tai nạn khoảng 50m về hướng Tây) để chờ cơ quan chức năng đến giải quyết. Tại đây, L và K thống nhất thỏa thuận: K sẽ khai nhận là người trực tiếp điều khiển xe 63B2-614.97 gây tai nạn, L là người ngồi phía sau, tiền khắc phục hậu quả bao nhiêu thì L sẽ trả lại, lý do L nói với K là mẹ của L bị bệnh tim mới mổ, nếu mẹ của L biết L là người điều khiển xe gây tai nạn sẽ ảnh hưởng sức khỏe. Đến 18 giờ 10 phút, ngày 30-4-2017, K khai nhận với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T người điều khiển xe 63B2-614.97 gây tai nạn làm cháu Ngô Thị Kim T1 chết là K. Căn cứ lời khai của K và các chứng cứ khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Khang về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện T ban hành Cáo trạng số 38/QĐ-KSĐT

ngày 25-10-2017 truy tố K về tội danh trên. Bản án Hình sự sơ thẩm số 37/2017/HS-ST ngày 28-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt K 09 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Sau đó, K kháng cáo bản án sơ thẩm, khai báo lại đúng sự thật khách quan Lê Thành L là người điều khiển xe 63B2-614.97 gây tai nạn làm chết cháu T1. Bản án hình sự phúc thẩm số 35/2018/HS-PT ngày 26-3-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HS-ST ngày 28-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; bị cáo Phan Đoan K phạm tội “Khai báo gian dối”.

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52; các Điều 50, 90, 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Lê Thành L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 382, khoản 1 Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Phan Đoan K 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/02/2019, bị cáo Phan Đoan K có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 04/03/2019, bị cáo Lê Thành L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và không phải trả lại cho gia đình bị cáo K số tiền 45.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo K có ý kiến cho rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo L có ý kiến cho rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, đã khắc phục hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với việc trả lại số tiền mà cha của bị cáo K yêu cầu, hai bên đã thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận và luận tội, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, các bị cáo đã thừa nhận hành

vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nên Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và bị cáo K phạm tội “ Khai báo gian dối” theo điểm b khoản 2 Điều 382 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chưa đầy đủ tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, trong khi bị cáo L đã bồi thường khắc phục hậu quả, lỗi trong vụ án là lỗi vô ý thì không thể áp dụng điểm i khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự, tương tự đối với bị cáo K, bị cáo phạm tội lần đầu, đã bồi thường khắc phục hậu quả nhưng cũng không cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ này, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, khoản 2 điều 51, có nhân thân tốt đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Phần dân sự, hai bên đã thỏa thuận được số tiền hoàn trả, Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo và ghi nhận sự thỏa thuận về số tiền hoàn trả giữa các đương sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu, lời thừa nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của đại diện người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Khoảng 17 giờ ngày 30-4-2017 Lê Thành L trực tiếp điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 63B2- 614.97 phía sau chở Phan Đoàn K lưu thông trên tỉnh lộ 865 theo hướng từ xã P đến thị trấn M. Khi đến cầu Rạch Đình, đoạn thuộc ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang, L điều khiển xe xuống dốc cầu thì nhìn thấy phía trước bên phải cùng hướng lưu thông khoảng 30 mét có anh Ngô Văn T đang bồng con nhỏ nên L ấn kèn, điều khiển xe chạy ra phía tim đường, quay mặt qua phải quan sát và tăng ga để vượt qua anh T. Lúc này, cháu Ngô Thị Kim T1, sinh ngày 27-9-2009 (con ruột anh T) đứng bên lề trái đang bung tô cơm đi bộ qua lộ tới tim đường. Do L điều khiển xe không làm chủ tốc độ, thiếu chú ý quan sát toàn diện nên đã để phần đầu bên trái xe đụng vào cháu T1, tại vùng tim đường. Hậu quả cháu T1 chết.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 80/GĐPY-PC54 ngày 15-5-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận thương tích

và nguyên nhân tử vong của cháu Ngô Thị Kim T1, sinh ngày 27-9-2009 do đa chấn thương, chấn thương sọ não do tai nạn giao thông .

Sau khi tai nạn xảy ra, L và K thống nhất thỏa thuận: K sẽ khai nhận là người trực tiếp điều khiển xe 63B2-614.97 gây tai nạn, L là người ngồi phía sau, tiền khắc phục hậu quả bao nhiêu thì L sẽ trả lại, lý do L nói với K là mẹ của L bị bệnh tim mới mổ, nếu mẹ của L biết L là người điều khiển xe gây tai nạn sẽ ảnh hưởng sức khỏe. Căn cứ lời khai của K và các chứng cứ khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với K về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện T ban hành Cáo trạng số 38/QĐ-KSĐT ngày 25-10-2017 truy tố K về tội danh trên. Bản án Hình sự sơ thẩm số 37/2017/HS-ST ngày 28-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt K 09 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Sau đó, K kháng cáo bản án sơ thẩm, khai báo lại đúng sự thật khách quan Lê Thành L là người điều khiển xe 63B2-614.97 gây tai nạn làm chết cháu T1.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Lê Thành L** về tội “**Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ**”. theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và bị cáo **Phan Đoan K** về tội “**Khai báo gian dối**” điểm b khoản 2 Điều 382 Bộ luật Hình sự là có cơ sở đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành L là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ, các bị cáo ý thức được rằng khi tham gia giao thông bằng mô tô mà không đủ điều kiện (chưa có giấy phép lái xe phù hợp) là rất nguy hiểm, rất dễ gây tai nạn và sẽ bị chế tài khi vi phạm, thế nhưng bị cáo bất chấp, không làm chủ tốc độ, thiếu chú ý quan sát, xử lý tay lái kém dẫn đến tai nạn làm cháu Ngô Thị Kim T1, sinh ngày 27-9-2009 bị đa chấn thương, chấn thương sọ não và chết. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã tước đi mạng sống của 01 người, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn giao thông nên cần phải xử lý thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa.

Đối với bị cáo K, vì muốn che dấu hành vi phạm tội của bạn (bị cáo L) đã khai báo gian dối là mình điều khiển xe gây tai nạn dẫn đến các cơ quan tố tụng làm sai lệch hồ sơ vụ án, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý xã hội, tổn hao kinh phí Nhà nước trong quá trình tố tụng, cho nên bị cáo K cũng phải bị xử lý nghiêm khắc.

[3] Về mức án: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không xem xét toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cũng như nhân thân của các bị cáo và đã áp dụng không chính xác tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã xử phạt bị cáo với mức án có phần nghiêm khắc, cụ thể, tính đến ngày xét xử sơ thẩm lần 2, các bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả theo yêu cầu của gia đình bị hại, được xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo, lỗi của bị cáo L trong vụ án là lỗi vô ý thì không thể áp dụng điểm i khoản 1

điều 52 Bộ luật Hình sự theo hướng dẫn tại Tại mục 2 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đã hướng dẫn áp dụng tình tiết “Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 như sau: “... *Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già" đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ em, phụ nữ có thai, người già...*”; Tương tự đối với bị cáo K, bị cáo phạm tội lần đầu, đã bồi thường khắc phục hậu quả nhưng cũng không cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ này, cho nên cần điều chỉnh cho bị cáo L được hưởng các tình tiết ở điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo K được hưởng các tình tiết ở điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, lý lịch, nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện cải tạo tại địa phương nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo và giao về gia đình, địa phương theo dõi giáo dục cũng đủ tác dụng trừng trị và ngăn ngừa.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị cáo L là ông Lê Văn Mười H, bà Huỳnh Thị U và ông Phan Văn T thống nhất thỏa thuận là ông Mười H, bà U trả cho ông T 25.000.000đ khi án có hiệu lực, xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, đúng pháp luật nên ghi nhận.

Ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bồi các lễ trên;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Thành L, Phan Đoàn K.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thành L** phạm tội “ ***Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ***”; bị cáo **Phan Đoàn K** phạm tội “ ***Khai báo gian dối***”.

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 260, Điều 50, các Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 65, các Điều 90, 91 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Thành L **02 (hai)** năm tù, cho hưởng án treo và phải chấp hành thời gian thử thách là **04 (bốn)** năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (12/6/2019).

Giao bị cáo Lê Thành L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 382, Điều 50, các Điểm b, s, i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phan Đoan K **01 (một)** năm tù, cho hưởng án treo và phải chấp hành thời gian thử thách là **02 (hai)** năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (12/6/2019).

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 166, Điều 357, Khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự

Ghi nhận việc bị cáo Lê Thành L, ông Lê Văn Mười H, bà Huỳnh Thị U liên đới trả cho ông Phan Văn T số tiền 25.000.000đ.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Mười H, bà U và bị cáo L chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Thành L, ông Lê Văn Mười H, bà Huỳnh Thị U liên đới chịu 1.250.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện T, tỉnh TG;
- VKSND huyện T, tỉnh TG;
- Công an huyện T, tỉnh TG;
- THADS huyện T, tỉnh TG;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng